

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 29 /2017/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 12 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định miễn tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN: ...
Giờ: ...
Ngày: 12/12/2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ;

Căn cứ các Nghị định: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/04/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu Kinh tế, Khu Công nghệ cao;

Căn cứ các Quyết định: số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008; số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013; số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành và sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường và Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008;

Theo thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 283/HĐND-VP ngày 30/10/2017 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 327/TTr-SKHĐT ngày 27/9/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định miễn tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

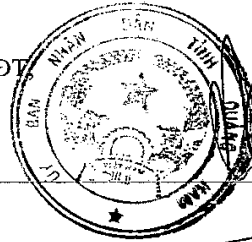
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Y tế, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Website Chính phủ;
- Cục KT văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, TN&MT, Y tế, GD&ĐT;
- LĐT&XH, Tư pháp (b/c);
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Viện KSND tỉnh, Tòa án ND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPTU, VP HĐND và VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Quảng Nam;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam;
- Công báo tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT, TH, KGVX, NC, KTN, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đinh Văn Thu

QUY ĐỊNH

Miễn tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

*(Kèm theo Quyết định số: 29 /2017/QĐ-UBND
ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh)*

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi: Quy định miễn tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Đất tại đô thị là đất thuộc phạm vi ranh giới hành chính của các thành phố, thị xã (bao gồm các xã, phường thuộc thành phố, thị xã) và các thị trấn thuộc các huyện.

2. Đối tượng áp dụng:

Các đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 2, Điều 1, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định số 69/2008/NĐ-CP).

Riêng đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng các Bộ quản lý chuyên ngành liên quan.

Điều 2. Về miễn tiền thuê đất

Cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Nam có dự án thuộc danh mục loại hình xã hội hóa khuyến khích phát triển tại Phụ lục kèm theo Quyết định này được Nhà nước cho thuê đất và miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian hoạt động của dự án khi thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và đáp ứng đủ các điều kiện nêu tại Điều 3 Quy định này.

Điều 3. Các điều kiện để được miễn tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

Riêng yêu cầu về loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giám định tư pháp thực hiện theo quy định khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định.

2. Về tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng

a) Cơ sở thực hiện xã hội hóa có dự án xã hội hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật chịu trách nhiệm chi trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trừ trường hợp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này. Phần chi phí này được tính vào vốn đầu tư của dự án;

b) Trường hợp được Nhà nước giao đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, cơ sở thực hiện xã hội hóa chịu trách nhiệm hoàn trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt vào ngân sách Nhà nước. Phần chi phí này được tính vào vốn đầu tư của dự án.

3. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải sử dụng đất đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, UBND tỉnh Quảng Nam và Quy định này.

Điều 4. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa lập hồ sơ đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và các văn bản pháp luật liên quan (sau đây gọi tắt là Nghị định số 118/2015/NĐ-CP), nộp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định trình UBND tỉnh xem xét quyết định chủ trương đầu tư.

2. Sau khi có Quyết định chủ trương đầu tư, cơ sở thực hiện xã hội hóa triển khai thực hiện dự án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của UBND tỉnh.

3. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

Điều 5. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành và UBND cấp huyện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tiếp nhận hồ sơ đầu tư của cơ sở thực hiện xã hội hóa và thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương liên quan thực hiện lựa chọn nhà đầu tư (khi có 02 nhà đầu tư trở lên đăng ký cùng một địa điểm) đáp ứng cao nhất các tiêu chí về quy mô, chất lượng, hiệu quả theo quy định tại pháp luật về đấu thầu, pháp luật về đất đai và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

c) Phối hợp với các ngành và địa phương công khai nhu cầu khuyến khích phát triển xã hội hóa trong từng giai đoạn để xúc tiến thu hút đầu tư.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, xác nhận thực tế đầu tư và hoạt động đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa; định kỳ sau 03 (ba) năm kể từ ngày Quy định này có hiệu lực tiến hành rà soát các quy định để báo cáo UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền.

e) Phối hợp với Cục Thuế tỉnh trong xác định tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở để cho hưởng ưu đãi đầu tư tại hồ sơ đăng ký cấp Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

f) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn các địa phương, cơ sở thực hiện xã hội hóa triển khai đầu tư dự án đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định; kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh liên quan hoặc tổng hợp, báo cáo, tham mưu trình UBND tỉnh xem xét chỉ đạo.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương liên quan khi trình UBND tỉnh phê duyệt hoặc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh đảm bảo bố trí quỹ đất dành cho hoạt động xã hội hóa và công khai địa điểm, diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hóa.

3. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và địa phương liên quan khi xây dựng quy hoạch, trình phê duyệt quy hoạch phát triển các khu đô thị mới, khu công nghiệp phải dành quỹ đất theo quy hoạch để đầu tư xây dựng phát triển các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Cùng với Trung tâm Hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh, các Sở chuyên ngành tham mưu UBND tỉnh thống nhất địa điểm thực hiện dự án đảm bảo đúng quy hoạch ngành cần thu hút đầu tư và thực hiện cấp, giám sát thực hiện các thủ tục về đầu tư xây dựng cơ bản.

4. Cục Thuế tỉnh:

a) Chủ trì cùng với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở quản lý chuyên ngành về xã hội hóa, UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra, xác định thực tế tại cơ sở đáp ứng các tiêu chí, qui mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định và các quy định tại Quyết định này về ưu đãi tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa. Trường hợp quá thời hạn kết thúc đầu tư, đưa vào hoạt động mà cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí, qui mô, tiêu chuẩn đã được cấp có thẩm quyền quy định thì thực hiện thu tiền thuê đất theo quy định hiện hành trong thời gian kể từ khi đưa dự án vào hoạt động theo chủ trương đầu tư và thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét xử lý.

b) Hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa về hồ sơ, trình tự, thủ tục miễn tiền thuê đất theo đúng quy định.

5. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh phê duyệt số tiền nhà đầu tư đã chi trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xác định số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình xã hội hóa.

b) Thẩm định giá cho thuê kết cấu hạ tầng cho một phần hoặc toàn bộ công trình xã hội hóa, trên cơ sở đề nghị của các Sở, ngành chủ quản của đơn vị được giao quản lý hạ tầng, công trình xã hội hóa.

6. Các Sở, ngành quản lý chuyên ngành liên quan đến các lĩnh vực có danh mục loại hình xã hội hóa khuyến khích phát triển tại các đô thị trên địa bàn tỉnh

chịu trách nhiệm theo dõi quy hoạch, cập nhật bổ sung quy hoạch phát triển ngành tại các địa bàn để phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện trong việc xác định cho hưởng các ưu đãi của các dự án khi thẩm định quyết định chủ trương đầu tư và tham gia kiểm tra thực tế khi cơ quan Thuế mời để xác định đáp ứng các yêu cầu quy định trong thực hiện ưu đãi.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố; Sở Công thương (cơ quan quản lý các Khu công nghiệp) và Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai chịu trách nhiệm xem xét hồ sơ đăng ký dự án và đề xuất UBND tỉnh thỏa thuận địa điểm, tham gia thẩm định hồ sơ đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

1. Các cơ quan quản lý Nhà nước của tỉnh và cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện các quy định chuyển tiếp theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP và Quy định này.

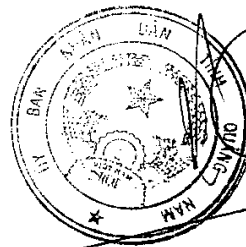
2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện quy định chuyển tiếp này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác chưa được quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trường hợp các Nghị định của Chính phủ hoặc các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến xã hội hoá được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng thực hiện theo sự điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung theo hướng tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích phát triển xã hội hoá, đảm bảo đúng quy định./*h*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thu

Phụ lục:
Danh mục loại hình xã hội hóa khuyến khích phát triển
tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Danh mục loại hình xã hội hóa khuyến khích phát triển	Tiêu chí quy mô và tiêu chuẩn
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC	Thực hiện theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 và Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ
A	GIÁO DỤC MẦM NON, TIỂU HỌC	
1	Trường mầm non	
2	Trường tiểu học	
3	Trường trung học cơ sở	
4	Trường trung học phổ thông	
5	Trường phổ thông có nhiều cấp học	
B	ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP	
1	Trường trung cấp chuyên nghiệp	
2	Trường cao đẳng	
3	Trường đại học	
C	CÁC CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ PHỤC VỤ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	
1	Cơ sở dịch vụ ăn uống cho học sinh, sinh viên	
2	Cơ sở dịch vụ nhà ở cho học sinh, sinh viên	
3	Trung tâm kiểm định chất lượng đào tạo (đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề và giáo dục phổ thông)	
4	Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực	
5	Cơ sở đầu tư hạ tầng giáo dục và đào tạo	
6	Cơ sở sản xuất trang, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em	
7	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	
II	LĨNH VỰC DẠY NGHỀ	
1	Cao đẳng nghề	
2	Trung cấp nghề	
3	Trung tâm dạy nghề	
III	LĨNH VỰC Y TẾ	
1	Cơ sở khám, chữa bệnh	
1.1	Bệnh viện, viện có giường, cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng (gồm: Bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, cơ sở bảo trợ xã hội)	
1.2	Phòng khám (chỉ ưu đãi đối với địa bàn KT-XH khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn)	
1.3	Trung tâm tư vấn về sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình; phòng khám sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình	
1.4	Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra, kiểm chuẩn trang thiết bị	
2	Các cơ sở y tế dự phòng	
3	Vệ sinh an toàn thực phẩm, dược và mỹ phẩm	

4	<i>Cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở trợ giúp trẻ em; trung tâm công tác xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy</i>
4.1	Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi
4.2	Cơ sở cai nghiện ma túy
IV	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
A	VĂN HÓA
1	<i>Di sản văn hoá</i>
1.1	Bảo tàng ngoài công lập
1.2	Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống
1.3	Cơ sở trình diễn/ diễn xướng dân gian
1.4	Cơ sở tổ chức thi công bảo quản tu bổ và phục hồi di tích
1.5	Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản văn hóa
2	<i>Điện ảnh</i>
2.1	Cơ sở sản xuất phim
2.2	Cơ sở dịch vụ sản xuất phim
2.3	Cơ sở xuất khẩu phim
2.4	Cơ sở chiếu phim và video
3	<i>Nghệ thuật biểu diễn</i>
3.1	Các đơn vị nghệ thuật sân khấu (Tuồng, Chèo, Cải lương, Múa rối, Xiếc, Kịch, Dân ca) và các đơn vị nghệ thuật Ca - Múa - Nhạc dân tộc, Giao hưởng hợp xướng Opera, Balê
4	<i>Văn hóa cơ sở</i>
4.1	Trung tâm văn hóa ngoài công lập cấp xã
4.2	Khu văn hóa đa năng ngoài công lập
4.3	Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở nông thôn
4.4	Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động khu vực quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh
5	<i>Mỹ thuật nhiếp ảnh và triển lãm</i>
5.1	Bảo tàng Mỹ thuật ngoài công lập
5.2	Vườn tượng
5.3	Trung tâm bảo tồn, phát triển mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm văn hóa nghệ thuật
5.4	Bảo tàng Nhiếp ảnh ngoài công lập
5.4	Bảo tàng Nhiếp ảnh ngoài công lập
6	<i>Thư viện</i>
6.1	Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng
B	THỂ THAO
1	Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao)
2	Sân thể thao, bao gồm; sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyên, sân cầu lông, sân quần vợt, sân bóng rổ, sân bóng ném, sân tập, sân vận động, khu liên hợp thể thao
3	Bể bơi, bể nhảy cầu, bể vẫy, bể hỗn hợp, câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước
4	Nhà tập luyện thể thao

5	Liên đoàn, hiệp hội thể thao (Cấp quốc gia, cấp ngành hoặc cấp tỉnh, thành phố. Thành lập và hoạt động theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Luật Thể dục, thể thao)
6	Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp
7	Đơn vị sản xuất dụng cụ thể thao
8	Cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao
V	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
1	Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải
2	Cơ sở xử lý rác thải
3	Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại (kể cả chất thải y tế)
4	Cơ sở xử lý chất thải nguy hại (kể cả chất thải y tế)
5	Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung
6	Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán
7	Cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị
8	Cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng, sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường
9	Cơ sở hỏa táng, điện táng
10	Cơ sở cung cấp nước sạch
11	Cơ sở quan trắc và phân tích môi trường
12	Cơ sở sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường
13	Cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng để xử lý (tái chế, tiêu hủy) các loại chất thải
14	Cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng cho các hệ thống quan trắc môi trường
15	Cơ sở khắc phục sự cố môi trường
16	Dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ
Tổng cộng: 69 loại hình xã hội hóa	